

TRƯỜNG MN HUA THANH
LỚP NHÀ TRẺ GHÉP 18-36T TRUNG TÂM

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1812/QĐ-UBND ngày 13/8/2025 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ vào tình hình thực tế lớp Nhà trẻ 18-36 tháng Nậm Ty 1 và tình hình thực tế của trẻ. Lớp Nhà trẻ 18-36 tháng Nậm Ty 1 xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của lớp như sau:

I. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện
			Chung	Riêng	
1. Lĩnh vực phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	18-24T	Trẻ bắt chước một số động tác theo cô: giơ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở (hít vào, thở ra). - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau (Kết hợp với lắc bàn tay).	- Chân: Dạng sang 2 bên	1->9
	24-36T	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên	- Lưng, bụng, lườn: Vặn người sang 2 bên. - Chân: Co duỗi từng chân	
2	18-24T	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường	- Đi trong đường hẹp (1) - Đi có mang vật trên tay (2) - Đi bước (qua vật cản (3,8)/vào các ô) (3) - Đi theo hiệu lệnh (4,9)		1->9

		1,8 - 2 m	- Đi (Theo hướng thẳng (5,7)/theo đường ngoằn ngoèo) (5) - Đi bước (Qua dây/quá gậy kê cao) (6)		
	24-36T	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay		- Đứng co 1 chân (7) - Chạy theo hướng thẳng (8) - Chạy đổi hướng (9)	
	18-24T			- Tập bước lên xuống bậc thang (1,3,6,8) - Bước lên xuống bậc có vịn (2,4,7,8,9)	
	24-36T			- Nhún bật tại chỗ (1,3) - Nhún bật về phía trước (2,4)	
3	18-24T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô.	- Tung bóng qua dây (1)	- Lăn bóng với cô (3,5) - Lăn bóng qua cổng (4)	1,3,4,5,7,8,9
	24-36T	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung- bắt bóng với cô khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1->1, 2m.		- Tung bắt bóng cùng cô (3) - Tung bắt bóng bằng 2 tay (4,8) - Ném bóng vào đích (5,7,9)	
4	18-24T	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Bò chui qua cổng (3) - Trườn qua vật cản (4) - Trườn chui (Qua vòng/quá cổng) (5)	- Trườn tới đích (7) - Trườn về phía trước (8)	1->9
	24-36T	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	- Bò (Về phía trước/ thẳng hướng) có mang vật trên lưng (6,9) - Bò tới đích/thẳng hướng	- Bò theo đường ngoằn ngoèo (7,8)	

			theo đường hẹp (1) - Bò chui dưới dây/qua vật cản (2)		
5	18-24T	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Ném bóng (Bằng 1 tay/về phía trước) (6)	- Đứng ném bóng (7) - Đứng tung bóng (9) - Đá bóng lên trước (8)	6, 7, 8, 9
	24-36T	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay (tối thiểu 1,5m)		- Bật qua vạch kẻ (6,8,9) - Bật xa bằng 2 chân (7,8)	
6	18-24T	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Cầm, bóp, gõ đóng đồ vật - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay		2,4,6,8
	24-36T	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau		
7	18-24T	Trẻ tháo lắp, lồng được 3 - 4 hộp tròn, xếp chồng được 2 - 3 khối trụ.	- Xếp chồng 4-5 khối/6-8 khối	- Đóng, mở nắp có ren - Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông	1->9
	24-36T	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tô chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Rót, nhào, khâu, đào, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón, nhặt đồ vật - Tập khâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây - Chắp ghép hình	

				- Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
8	18-24T	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát (Cơm) và các loại thức ăn khác nhau. (1)		1, 4
	24-36T	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống (4)	
9	18-24T	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Làm quen (Luyện tập) chế độ ngủ 1 giấc (Trưa). (1,2)		1, 2, 5
	24-36T	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Chuẩn bị chỗ ngủ (5)	
10	18-24T	Trẻ biết "gọi" người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. (1, 2, 3) - "Gọi" cô khi bị ướt, bị bẩn (3,4,5,6)		1, 2, 3, 4, 5, 6
	24-36T	Trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định (1,2)		
11	18-24T	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập xúc ăn bằng thìa (Xúc cơm), uống nước bằng cốc (Uống nước) (1,2) - Tập thể hiện (Tập nói với người lớn) khi có nhu cầu ăn ngủ, vệ sinh (2,3,4,5)	- Tập ngồi vào bàn ăn (1) - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh (2)	1, 2, 3, 4, 5, 7
	24-36T	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	- Làm quen với rửa tay, lau mặt (Tập luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Rửa tay trước khi ăn; lau mặt) (2,3,4,5,7)	- Luyện tập một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Lau miệng, uống nước sau khi ăn; bỏ rác đúng nơi quy định. (1,2)	
12	18-24T		- Tập đội mũ, đi dép, mặc quần áo với sự giúp đỡ của cô giáo		3, 6, 9

	24-36T	Trẻ chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tự phục vụ: Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.		
13	18-24T	Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm như: Bếp đang đun, phích nước nóng, bàn là, bật lửa..., (Nơi nguy hiểm: Ao, hồ, giếng, suối...) không được phép sờ vào hoặc đến gần.		1, 4, 8 ,9
	24-36T	Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.			
14	18-24T	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như: Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế, lan can...(Chơi nghịch các vật sắc nhọn) khi được nhắc nhở.		2, 7
	24-36T	Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.			
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức					
15	18-24T	Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe...để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm (đồ chơi; đồ vật) vừa mới cất giấu. (3,6)	- Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh. (1,3,8) - Sờ nắn, lắc, gõ đồ	1->9

				chơi và nghe âm thanh. (1,3) - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc, gần gũi (6,7) - Nếm vị của một số quả, thức ăn (6,7)	
	24- 36T	Trẻ thích sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. (3,4,5,8) - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả, để nhận biết đặc điểm nổi bật. (3,6,7) - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì. (1,3)	
16	18- 24T	Trẻ bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	- Hành động nói, cười, đi, chạy. (3)		1, 3
	24- 36T	Trẻ chơi bắt chước được một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và nhóm / lớp. (1,3)		
17	18- 24T	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những	- Tên (một số đặc điểm bên ngoài) của bản thân (2)	- Hình ảnh của bản thân trong gương (2)	1, 2, 4

		người gần gũi khi được hỏi.	- Tên/công việc của một số/những người thân gần gũi trong gia đình/nhóm lớp. (1,4)		
	24-36T	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		- Tên của cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. (1)	
18	18-24T	Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên (chức năng chính) một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. (2)		2
	24-36T	Trẻ có thể nói được chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.			
19	18-24T	Trẻ có thể chỉ/ lấy nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật (công dụng) đồ dùng, (cách sử dụng) đồ chơi quen thuộc (1,3,4,9)	- Đồ chơi, đồ dùng của bản thân (2)	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9
	24-36T	Trẻ nhận biết được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên (cách sử dụng) của phương tiện giao thông gần gũi (8) - Tên và đặc điểm nổi bật (Một số đặc điểm nổi bật) của con vật, hoa quả quen thuộc (rau) (5,7)		
20	18-24T	Trẻ có thể chỉ hoặc lấy đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh (vàng) (1,2)		1, 2, 3, 9
	24-36T	Trẻ có thể chỉ/ nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu.		- Số lượng một - nhiều. (3,9)	
21	24-	Trẻ có thể chỉ hoặc lấy	- Kích thước (To, nhỏ). (3,9)		2, 3, 4, 8, 9

	36T	hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Hình tròn – hình vuông (4, 8,9) - Vị trí trong không gian (trên – dưới – trước – sau) so với bản thân trẻ. (2)		
3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
22		Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu (các yêu cầu) bằng lời nói. (1,4,5) - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau (1,4,5) - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng quen thuộc (1,3,8)		1, 3, 4, 5, 8
	18-24T	Trẻ có thể hiểu được các từ "không": dừng hành động khi nghe "Không được lấy!"; "Không được sờ!".			
	24-36T	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2 – 3 hành động.			
23	18-24T	Trẻ có thể trả lời được câu hỏi đơn giản "Ai đây?" "Con gì đây?"; "Cái gì đây?"...	- Trả lời và đặt câu hỏi: "Con gì?"; "Cái gì?"; "Làm gì?" (ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?)	- Nghe các câu hỏi: : “Cái gì?”, “Làm gì?”, “ở đâu?”, “Để làm gì?”, “Như thế nào?”	3, 5, 8
	24-36T	Trẻ trả lời được các câu hỏi: Ai đây? Cái gì đây? ...làm gì? ...thế nào?			
24	18-24T		- Nghe truyện kể đơn giản theo tranh (1->9)		1->9
	24-36T	Trẻ có thể hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các câu truyện ngắn. (1->9) - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý (4,5,7,9) - Lắng nghe khi người lớn đọc sách (4,5,7) - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. (3,6,8)		

25	18-24T	Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Phát âm các âm khác nhau (3,5,7)	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi (1,3,5,7)	3, 5, 7
	24-36T	Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng.			
26	18-24T	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.		1->9
	24-36T	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng.		
27	18-24T	Trẻ nói được câu đơn 2 - 3 tiếng; con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Nói "Con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm".		2, 3
	24-36T	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.		1->9
28	18-24T	Trẻ có thể chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...).	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản (hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.)		2, 4, 5, 8
	24-36T	Trẻ có thể sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái			

		gì đây?			
29	24-36T	Trẻ có thể nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.		3, 4
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ					
30	18-24T	Trẻ có thể nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận ra tên gọi, hình ảnh bản thân		2
	24-36T	Trẻ nói được một vài thông tin về bản thân mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.		
31	24-36T	Trẻ thể hiện được điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.		3
32	18-24T	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với (Cô và bạn/ những người xung quanh)		1, 3, 6
	24-36T	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.			
33	18-24T	Trẻ có thể cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.		2, 3, 6
	24-36T	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận.		2, 4, 6, 9
		Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.			
34	18-	Trẻ thích chơi với đồ	- Quan tâm đến các con vật	- Tập sử dụng đồ dùng,	1, 2, 3, 5

	24T	chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	nuôi. (5)	đồ chơi. (1, 2, 3)	
	24-36T	Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.			
35	18-24T	Trẻ chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ "ạ", "dạ".	1, 3, 7	
	24-36T	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ, chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	4	
36	18-24T	Trẻ có thể bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Bắt chước một vài hành vi xã hội: Bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại.	3	
	24-36T	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	1->9	
37	24-36T	Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	3, 7	
38	18-24T	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Một số yêu cầu đơn giản của người lớn: Cát đồ chơi, đồ dùng, để dép vào giá,...	1, 3	
	24-36T	Trẻ thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	2, 5	

39	18-24T	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ (Với các giai điệu khác nhau-2T) - Hát theo/ hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.		1->9
	24-36T	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.			
40	18-24T	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	- Xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ.	1->9
	24-36T	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xâu vòng	

II. DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian (Tháng, từ ngày... đến ngày ...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ /hội	Điều chỉnh bổ xung
Tháng 9+10 (Từ 8/9- 03/10/2025)	1	Bé vui đến trường	Bé yêu cô giáo	1	Ngày hội đến trường của bé 05/9 - Bé vui đón Tết trung thu (15/8 âm lịch)	
			Các bạn trong lớp học của bé	1		
			Đồ dùng, đồ chơi trong lớp của bé	1		
			Bé vui đón tết trung thu	1		
Tháng 10 (Từ ngày 06/10-31/10)	2	Bé biết gì về bản thân	Bé là ai?	1		
			Cơ thể kỳ diệu của bé	2		
			Trải nghiệm tuần lễ dinh dưỡng			
Tháng 11 (Từ ngày 3/11 - 28/11)	3	Đồ dùng, đồ chơi của bé	Bé với đồ chơi yêu thích	1	Ngày hội của cô giáo 20/11	
			Đồ dùng của bé	1		
			Đồ dùng của bé	1		
			Ngày hội của cô giáo	1		
Tháng 12 (Từ ngày 01/12 - 26/12)	4	Mẹ và gia đình thân yêu của bé	Mẹ của bé	1		
			Những người thân trong gia đình bé	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
			Đồ dùng trong gia đình bé	1		
Tháng 12+01 (Từ ngày 29/12/2025-16/1/2026)	5	Những con vật đáng yêu	Con vật nuôi trong gia đình (2 chân)	1		

			Con vật nuôi trong gia đình (4 chân)	1		
			Con vật sống dưới nước	1		
Tháng 1+2 (Từ ngày 19/1 - 13/2)	6	Thực vật quanh bé - Bé vui đón tết	Bé thích các loại quả	2	Bé vui đón tết nguyên đán (1/1 âm lịch)	
			Bé biết rau gì?	1		
			Bé vui đón tết	1		
Tháng 02+03 (Từ ngày 23/2-20/3)	7	Mùa xuân	Mùa xuân đến rồi	1		
			Bé yêu hoa	2		
			Trang phục truyền thống chơi xuân	1		
Tháng 3+4 (Từ ngày 23/3 - 24/4)	8	Bé đi khắp nơi bằng các phương tiện gì	Phương tiện GT đường bộ	2		
			Máy bay	1		
			Tàu hỏa	1		
			Thuyền, tàu thủy	1		
Tháng 4+5 (Từ ngày 27/04 - 22/05)	9	Mùa hè - cháu lên mẫu giáo	Mùa hè đến rồi	1		
			Trang phục mùa hè của bé	1		
			Bé lên mẫu giáo	1		
			Bé vui đón tết thiếu nhi	1		
Tổng số				35		

HIỆU TRƯỞNG

Thanh Nưa, ngày 29 tháng 8 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Lò Thị Thơ

